

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày: 11 - 07 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Tám
- Ông Huỳnh Thái Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Giáp Nguyễn Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, đã mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 14/2024/TB-TA ngày 04 tháng 7 năm 2024, đối với:

1. Bị cáo **Lê Văn D**, sinh ngày 13/7/1994 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà Lê Thị M, sinh năm 1971; C sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1997; có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 28/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số 30/2016/HSST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 18/6/2017. Ngày 08/02/2018, bị Toà án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 04/2018/HSST. Chấp

hành xong án phạt tù ngày 27/4/2019. Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 06/02/2024; có mặt.

2. Bị cáo **Trần Thị Kim T**, sinh ngày 09/01/2002 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1972; có chồng đã ly hôn; có 02 con, sinh năm 2020 và 2022; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 25/11/1994 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn C1 (chết) và bà Hồ Thị C2, sinh năm 1958; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 07/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 45/2013/HSST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 26/4/2014. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Hồ Ngọc V, sinh năm: 1972; trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Đan V1, sinh năm: 1993; trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Phương T1, sinh năm: 1993; trú tại: Tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Công ty TNHH Y1. Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Hoàng Y - sinh năm: 1966; trú tại: Tổ dân phố số H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 03/11/2023, Lê Văn D điều khiển xe mô tô, hiệu Honda (không gắn biển số) chở Trần Thị Kim T đi đến khu vực thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa để kiếm nhà trọ. Khi đến gần nhà nghỉ “Thanh Sang”, D và T đi xuống khu vực biển thì phát hiện có xe mô tô mang biển số

79N2-1861 của ông Hồ Ngọc V đang dựng bên lề đường, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bán để lấy tiền tiêu xài. Thương ngồi trên xe mô tô (không gắn biển số) để cảnh giới, D đi đến vị trí xe mô tô 79N2-1861 dùng tay bẻ khóa cổ xe, rút dây bình rồi nổ máy chạy đến vị trí của T đứng, D bảo T đi đi. Di điều khiển xe mô tô 79N2-1861, T điều khiển xe mô tô (không gắn biển số) đi đến khu vực bãi đất trống sau Trung tâm y tế huyện V. Tại đây, D dùng tay bẻ biển số 79N2-1861 và tháo 02 gương chiếu hậu ra ném vào bãi đất trống. Sau đó, D bảo T đi về phòng trọ ở tổ dân phố số A - thị trấn V trước, còn D đem xe mô tô 79N2-1861 đến nhà của Nguyễn Văn H1, bán cho H1 với số tiền 450.000 đồng. H1 thấy xe không gắn biển số, không có giấy đăng ký xe, không có chìa khóa, biết đây là tài sản do D chiếm đoạt mà có nhưng vẫn mua. Sau khi bán được xe, D mua thuốc hút hết 50.000 đồng, về phòng trọ đưa cho T số tiền 400.000 đồng, cả hai cùng tiêu xài hết.

Sau khi mua được xe mô tô do Lê Văn D bán, ngày 04/11/2023, Nguyễn Văn H1 đến nhà của bà Trần Thị Phương T1, trú tại: Tổ dân phố số A - thị trấn V, H1 nói: “hiện tại H1 có xe mô tô” và hỏi bà T1: “Chị có xe đi làm chưa, em để xe chị đi làm ít bữa em chuộc lại”, H1 nói T1 đưa cho H1 450.000 đồng, bữa sau chuộc lại thì H1 trả lại tiền. Sau đó, T1 đến nhà của H1, đưa cho H1 số tiền 450.000 đồng và điều khiển xe mô tô nói trên về nhà. Bà T1 thấy phần yếm bửng hai bên, phần mặt nạ trước đầu xe, cụm đồng hồ Km của xe bị nứt vỡ nên tháo ra, thấy xe đã cũ nên mua sơn đen về sơn lại và sử dụng. Sau đó, hành vi của Lê Văn D và Trần Thị Kim T bị cơ quan Công an phát hiện.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1257/KL-TCKH.TTHS, ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V kết luận: xe mô tô biển số 79N2-1861, nhãn hiệu: CICERO, màu sơn: xanh; số máy: VTT1P52FMH063511; số khung: VLMDCH022HV063511, trị giá: 3.600.000 đồng.

Ngoài ra, Lê Văn D còn thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 05/11/2023, Lê Văn D điều khiển xe mô tô, hiệu Honda (không gắn biển số) chở Trần Thị Kim T đến hiệu thuốc tây “Vân Anh” thuộc thôn T - xã V - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Đến nơi, T vào trong mua thuốc, còn D thì đứng bên ngoài đợi. Tại đây, D phát hiện ở góc trước xe mô tô mang biển số 79V1-627.41 của bà Nguyễn Huỳnh Đan V1 có treo giỏ xách, bên trong giỏ xách có 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 11 Pro max, lợi dụng sơ hở, D đã lén lút lấy trộm điện thoại trong giỏ xách của bà V1. Sau khi lấy xong thì D gọi T đi ra, không mua thuốc nữa. Sau đó, D chở T đi theo hướng xuống biển và nói cho T biết là D mới lấy trộm được điện thoại, cả hai chở nhau về phòng trọ, D đưa cho T xem điện thoại, xem xong thì D đem

điện thoại cất vào trong giỏ đựng đồ của D. Sau đó hành vi của D bị cơ quan Công an phát hiện và thu giữ điện thoại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1259/KL-TCKH.TTHS, ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V kết luận: điện thoại di động cảm ứng, hiệu Iphone 11 Pro max, 256GB, màu: xanh - rêu; số Imei 1: 353926100326189; số Imei 2: 353926100392744, trị giá: 6.020.000 đồng; 01 sim điện thoại di động mạng Mobifone, số thuê bao: 0706144752, trị giá: 40.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKSVN ngày 27/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Lê Văn D, Trần Thị Kim T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Văn D, bị cáo Trần Thị Kim T về việc bồi thường tiền sửa chữa xe mô tô BS 79N2 – 1861 cho bị hại ông Hồ Ngọc V số tiền 3.015.000 đồng.

- Bị hại bà Nguyễn Huỳnh Đan V1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường; bị cáo Nguyễn Văn H1 không yêu cầu bị cáo Lê Văn D hoàn trả lại số tiền 450.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương T1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H1 phải hoàn trả lại số tiền 450.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hoàng Y đại diện công ty TNHH Y1 đã nhận đủ tiền từ hợp đồng mua bán xe với bị cáo Trần Thị Kim T và không yêu cầu gì khác. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với quan hệ dân sự giữa bị cáo Trần Thị Kim T với Công ty T2 SAIGON, nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ án khác; về xử lý vật chứng: Xe mô tô (không gắn biển số), hiệu Honda, màu sơn: đen, số khung: RLHJA3937PY608173, số máy: JA70E0033182, Lê Văn D, Trần Thị Kim T dùng làm phương tiện để chiếm đoạt tài sản vào ngày 03/11/2023 và ngày 05/11/2023 là tài sản của bị cáo Trần Thị Kim T nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định bà Nguyễn Thị Hoàng Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trước khi mở phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hoàng Y – đại diện của Công ty TNHH Y1 cung cấp cho Tòa án hóa đơn thanh toán việc mua bán xe giữa bị cáo T và Công ty TNHH Y1. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định lại tư cách tham gia tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Công ty TNHH Y1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y là người đại diện theo pháp luật.

[1.3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo Lê Văn D và Trần Thị Kim T:

Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua phân xét hỏi công khai và tranh luận, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 03/11/2023, tại khu vực gần nhà nghỉ “Thanh Sang” thuộc thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, Lê Văn D và Trần Thị Kim T đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô mang biển số 79N2-1861 của ông Hồ Ngọc V, trị giá: 3.600.000 đồng. Ngoài ra, khoảng 17 giờ 45 phút ngày 05/11/2023, tại hiệu thuốc tây “Vân Anh” thuộc thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, Lê Văn D đã có hành vi lén lút trộm cắp điện thoại di động, hiệu Iphone 11 Pro max của bà Nguyễn Huỳnh Đan V1, trị giá: 6.060.000 đồng. Tổng giá trị bị cáo Lê Văn D trộm cắp là 9.660.000 đồng. Giá trị bị cáo Trần Thị Kim T trộm cắp là 3.600.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H1. Bị cáo Nguyễn Văn H1 biết rõ chiếc xe máy biển số 79N2-1861 là tài sản do Lê Văn D phạm tội mà có, nhưng bị cáo vẫn đồng ý mua với giá 450.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Từ các nhận định trên, có đủ căn cứ khẳng định Cáo trạng số 51/CT-VKSVN ngày 27/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh truy tố các bị cáo Lê Văn D, Trần Thị Kim T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân, cũng như gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Đối với bị cáo Lê Văn D: Bị cáo là người có sức khỏe, nhưng không chịu lao động chân chính, mà lựa chọn việc phạm tội để có tiền tiêu xài. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hai lần phạm tội, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trong các năm 2016 và 2018 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân xét xử về các tội chiếm đoạt tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học.

Đối với bị cáo Trần Thị Kim T: Bị cáo cũng là người có sức khỏe, có đủ năng lực hành vi dân sự, không chịu lao động chân chính để có tài sản sử dụng cho bản thân, mà lại lựa chọn cùng với Lê Văn D thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu xài. Bị cáo và bị cáo Lê Văn D phạm tội với vai trò là đồng phạm giản đơn.

Đối với Nguyễn Văn H1. Bị cáo biết rõ tài sản là do bị cáo D phạm tội mà có, nhưng do háms lợi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo góp phần gia tăng tỷ lệ phạm tội các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn. Về nhân thân, năm 2013 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh xét xử về tội trộm cắp tài sản.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm minh, cách ly các bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản phạm tội đã được thu hồi trả lại cho bị hại; tài sản phạm tội có giá trị không lớn. Bị cáo Trần Thị Kim T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Bị hại ông Hồ Ngọc V đã nhận lại tài sản của mình và yêu cầu bị cáo Lê Văn D và Trần Thị Kim T phải bồi thường số tiền 3.015.000 đồng là tiền sửa

chữa xe mô tô. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn D và Trần Thị Kim T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Hồ Ngọc V, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6.2] Đối với bị hại bà Nguyễn Huỳnh Đan V1. Bà V1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6.3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Phương T1 đã có hành vi nhận thế chấp chiếc xe mô tô do Nguyễn Văn H1 thế chấp. Bà T1 không biết chiếc xe này do phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự. Về trách nhiệm dân sự, bà T1 không yêu cầu nên không xét.

[6.4] Đối Công ty TNHH Y1 do bà Nguyễn Thị Hoàng Y làm đại diện. Bà Y đã cung cấp tài liệu và thể hiện công ty không còn tranh chấp gì đối với hợp đồng mua bán xe máy giữa bị cáo với công ty đối với chiếc xe hiệu Honda, màu sơn: đen, số khung: RLHJA3937PY608173, số máy: JA70E0033182, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Xe mô tô (không gắn biển số), hiệu Honda, màu sơn: đen, số khung: RLHJA3937PY608173, số máy: JA70E0033182 mà Trần Thị Kim T và Lê Văn D dùng làm phương tiện để chiếm đoạt tài sản vào ngày 03/11/2023 và ngày 05/11/2023 là xe của bị cáo Trần Thị Kim T. Bị cáo dùng xe để làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Về một số nội dung khác:

[8.1] Ngày 05/11/2023, sau khi Lê Văn D trộm cắp được điện thoại di động của bà Nguyễn Huỳnh Đan V1, trên đường đi Di có nói cho T biết, về phòng trọ D đưa điện thoại cho T xem, sau đó D cất vào giỏ cá nhân của D nhưng T không khai báo. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của D là tội phạm ít nghiêm trọng, do đó không có cơ sở để xử lý hình sự đối với Trần Thị Kim T.

[8.2] Quan hệ hợp đồng vay giữa bị cáo Trần Thị Kim T với Công ty T2 liên quan đến chiếc xe mô tô (hiệu Honda, màu sơn: đen, số khung: RLHJA3937PY608173, số máy: JA70E0033182), nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn D **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T **06** (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 **06** (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự:

4.1. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Lê Văn D, Trần Thị Kim T bồi thường cho bị hại ông Hồ Ngọc V. Bị cáo Lê Văn D, Trần Thị Kim T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Hồ Ngọc V số tiền 3.015.000 đồng. Chia theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Hồ Ngọc V là 1.507.500 đồng (Một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

4.2. Bà Nguyễn Huỳnh Đan V1, bà Trần Thị Phương T1 và Công ty TNHH Y1 không yêu cầu về mặt dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước một xe mô tô (không gắn biển số), hiệu Honda, màu sơn: đen, số khung: RLHJA3937PY608173, số máy: JA70E0033182. *(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/7/2024 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V).*

6. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn D, Trần Thị Kim T, Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Lê Văn D, Trần Thị Kim T còn phải chịu mỗi bị cáo 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Quy định: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng

người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vạn Ninh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng